CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
đã được soát xét

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-25
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/01/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch
Ông Võ Sỹ Dởng	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thành Công	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Biểu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phúc Long	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nam Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Biểu	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh TP.HCM	
Ông Tô Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/03/2010
Ông Lê Thái Hưng	Quyền Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/04/2010

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Khương Tất Thành	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Hiền	Thành viên
Ông Trần Hải Văn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Phúc Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được lập ngày 30 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Dự phòng giảm giá cổ phiếu chưa niêm yết: Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá thị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị các khoản đầu tư này là hợp lý.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Nguyễn Thanh Tùng	**Trần Quang Mầu**
Phó Tổng giám đốc	Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV	Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0668/KTV

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**708.117.153.541**	**371.614.950.906**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**		**185.798.294.796**	**151.620.919.151**
111	1. Tiền	4	75.798.294.796	151.620.919.151
112	2. Các khoản tương đương tiền		110.000.000.000	-
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**5**	**130.961.043.126**	**93.986.465.021**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		131.208.579.817	94.377.103.065
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(247.536.691)	(390.638.044)
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**	**6**	**382.164.741.468**	**119.867.324.485**
131	1. Phải thu của khách hàng		1.315.879.704	4.135.708.860
132	2. Trả trước cho người bán		2.444.266.888	1.196.510.938
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		103.646.212.503	1.811.586.552
138	5. Các khoản phải thu khác		274.758.382.373	112.723.518.135
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**9.193.074.151**	**6.140.242.249**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.193.359.460	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		27.113.685	-
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		7.972.601.006	6.140.242.249
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**53.947.556.738**	**31.125.288.715**
220	**II. Tài sản cố định**		**10.608.471.900**	**11.179.878.716**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	8.815.301.070	9.215.388.686
222	- Nguyên giá		11.614.474.350	11.258.216.894
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(2.799.173.280)	(2.042.828.208)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	1.793.170.830	1.964.490.030
228	- Nguyên giá		2.286.824.777	2.286.824.777
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(493.653.947)	(322.334.747)
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**9**	**38.515.000.000**	**12.715.000.000**
258	4. Đầu tư dài hạn khác		38.515.000.000	12.715.000.000
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**4.824.084.838**	**7.230.409.999**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.647.847.856	7.054.173.017
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	176.236.982	176.236.982
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**762.064.710.279**	**402.740.239.621**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**436.808.359.983**	**234.556.660.549**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**436.808.359.983**	**234.556.660.549**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	61.100.000.000
312	2. Phải trả người bán		36.427.850	176.734.395
313	3. Người mua trả tiền trước		82.523.276	5.023.276
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	9.657.544.622	3.713.025.511
315	5. Phải trả người lao động		755.134.364	687.811.591
316	6. Chi phí phải trả	13	6.867.527.778	471.952.448
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	497.000.000	497.000.000
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		21.158.000	9.120
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		559.301.175	-
328	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	418.331.742.918	167.905.104.208
400	**B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**325.256.350.296**	**168.183.579.072**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**16**	**325.256.350.296**	**168.183.579.072**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		299.995.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.499.750.000	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(10.400.000)	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		816.709.047	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		816.709.047	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.138.582.202	18.183.579.072
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**762.064.710.279**	**402.740.239.621**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
005	**5. Ngoại tệ các loại (USD)**		**78**	**78**
006	**6. Chứng khoán lưu ký**		**342.619.890.000**	**289.007.050.000**
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		213.308.990.000	278.926.690.000
008	- *Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký*		*1.814.670.000*	*1.871.670.000*
009	- *Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước*		*211.494.320.000*	*277.055.020.000*
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		97.367.000.000	10.080.360.000
014	- *Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước*		*7.367.000.000*	*10.080.360.000*
015	- *Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài*		*90.000.000.000*	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		31.943.900.000	-
029	- *Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước*		*31.943.900.000*	-
083	**9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán**		**28.499.830.000**	**6.699.830.000**

Đào Thị Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc Long
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND
01	**1. Doanh thu**	17	**51.976.854.642**
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		15.172.289.068
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		27.552.994.994
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		52.713.243
01.9	Doanh thu khác		9.198.857.337
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		**-**
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**		**51.976.854.642**
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh**	18	**20.115.250.052**
20	**5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**31.861.604.590**
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	10.653.399.698
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**21.208.204.892**
31	8. Thu nhập khác		3.699.000
40	**10. Lợi nhuận khác**		**3.699.000**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**21.211.903.892**
51	12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	5.257.248.348
52	13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-
60	**14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**15.954.655.544**
70	**15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	21	**1.058**

Đào Thị Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc Long
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		
01	**1. *Lợi nhuận trước thuế***		**21.211.903.892**
	2. *Điều chỉnh cho các khoản*		
02	Khấu hao tài sản cố định		927.664.272
03	Các khoản dự phòng		(143.101.353)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.381.767.837)
06	Chi phí lãi vay		10.702.513.418
08	***3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động***		**23.317.212.392**
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(272.741.160.232)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(36.763.645.947)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		250.856.622.133
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		1.212.965.701
13	Tiền lãi vay đã trả		(3.834.985.640)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.962.403.480
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.112.535.013)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán***		**(36.103.123.126)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(356.257.456)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(57.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		33.920.638.390
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.381.767.837
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		**(14.853.851.229)**
	. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		157.494.750.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(10.400.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		71.500.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(132.600.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.250.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		**85.134.350.000**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**34.177.375.645**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ**		**151.620.919.151**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ**		**185.798.294.796**

Đào Thị Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc Long
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/01/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Villa số 3, số 2BIS Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Môi giới chứng khoán Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Chi nhánh Huế	Tầng 03 tòa nhà trung tâm thương mại Bắc Trường Tiền số 06 Trần Hưng Đạo, Phú Hà, Tp. Huế	Môi giới chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

-	Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
-	Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm
-	Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ (VND)
Của Công ty Chứng khoán	**1.947.500**	**79.185.521.000**
- Cổ phiếu	1.947.500	79.185.521.000
Của người đầu tư	**235.757.460**	**8.633.229.656.000**
- Cổ phiếu	235.442.370	8.629.961.650.000
- Chứng chỉ quỹ	315.090	3.268.006.000
	237.704.960	**8.712.415.177.000**

4 . TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	5.562.765.285	8.938.327.369
Tiền gửi ngân hàng	18.145.822.871	844.865.014
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	23.795.982.767	132.060.003.406
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	28.293.723.873	9.777.723.362
- *Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của Công ty*	*6.060.919*	*161.072.177*
- *Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của NĐT*	*28.287.662.954*	*9.616.651.185*
	75.798.294.796	**151.620.919.151**

(*) Đây là khoản tiền gửi của nhà đầu tư vào tài khoản của Công ty tại các ngân hàng để phục vụ cho việc mua bán chứng khoán của nhà đầu tư.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	**62.342.279.817**	**25.578.633.870**
- Chứng khoán niêm yết	5.850.911.491	7.777.265.544
- Chứng khoán chưa niêm yết	56.491.368.326	17.801.368.326
Đầu tư ngắn hạn khác	**68.866.300.000**	**68.798.469.195**
- *Ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần VICS INVEST*	37.366.300.000	19.560.500.000
- *Ủy thác đầu tư cho ông Trương Xuân Khánh*	-	9.737.969.195
- *Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng*	19.500.000.000	27.500.000.000
- *Cho Công ty CP Handico 68 vay*	2.000.000.000	2.000.000.000
- *Đặt cọc và cho vay thực hiện dự án COMA TOWER*	10.000.000.000	10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	**(247.536.691)**	**(390.638.044)**
	130.961.043.126	**93.986.465.021**

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2010 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cơ sở trích lập dự phòng là giá bình quân tại ngày 30/06/2010. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 30/06/2010.

Dự phòng giảm giá cổ phiếu chưa niêm yết: Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá thị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị các khoản đầu tư này là hợp lý.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng	**1.315.879.704**	**4.135.708.860**
Trả trước cho người bán	**2.444.266.888**	**1.196.510.938**
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	**103.646.212.503**	**1.811.586.552**
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	103.646.212.503	1.811.586.552
+ Phải thu tiền vay tạm ứng bán chứng khoán	*96.966.185.951*	*1.811.560.000*
+ Phải thu tiền vay cầm cố chứng khoán		
+ Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	*6.680.000.000*	
+ Phải thu khác	*26.552*	*26.552*
Phải thu khác	**274.758.382.373**	**112.723.518.135**
- Phải thu hoạt động hợp tác kinh doanh với nhà đầu tư	265.784.583.032	107.661.011.725
- Thù lao và các khoản chi hộ cho Hội đồng quản trị	-	1.335.778.132
- Tiền thưởng lễ tết, chi mang tính chất phúc lợi cho cán bộ nhân viên	-	1.024.811.500
- Lãi dự thu đến 30/06/2010	8.599.270.807	1.170.822.375
- Dự thu doanh thu cuối kỳ	213.925.604	800.886.652
- Phải thu khác	160.602.930	730.207.751
	382.164.741.468	**119.867.324.485**

7 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	**1.082.923.000**	**4.260.474.859**	**5.914.819.035**	**11.258.216.894**
Số tăng trong kỳ	**-**	**-**	**356.257.456**	**356.257.456**
- Mua sắm mới	-		356.257.456	356.257.456
Số giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư cuối kỳ	**1.082.923.000**	**4.260.474.859**	**6.271.076.491**	**11.614.474.350**
Giá trị đã hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu kỳ	**209.295.918**	**668.975.715**	**1.164.556.575**	**2.042.828.208**
Số tăng trong kỳ	**70.331.422**	**266.358.343**	**419.655.307**	**756.345.072**
- Trích khấu hao	70.331.422	266.358.343	419.655.307	756.345.072
Số giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư cuối kỳ	**279.627.340**	**935.334.058**	**1.584.211.882**	**2.799.173.280**
Giá trị còn lại				
Đầu kỳ	873.627.082	3.591.499.144	4.750.262.460	9.215.388.686
Cuối kỳ	**803.295.660**	**3.325.140.801**	**4.686.864.609**	**8.815.301.070**

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	**2.286.824.777**
Số tăng trong kỳ	-
- Mua sắm mới	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	**2.286.824.777**
Giá trị đã hao mòn luỹ kế	
Số dư đầu kỳ	**322.334.747**
Số tăng trong kỳ	**171.319.200**
- Trích khấu hao	171.319.200
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	**493.653.947**
Giá trị còn lại	
Đầu kỳ	1.964.490.030
Cuối kỳ	**1.793.170.830**

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/06/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
	Nguyên giá	13.901.299.127	0,050
299.995.000.000	Khấu hao	(3.292.827.227)	
	Giá trị còn lại	10.608.471.900	0,040

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	**38.515.000.000**	**12.715.000.000**
- Góp vốn Công ty Cổ phần VICS INVEST	15.000.000	15.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại Ngân hàng Habubank - Chi nhánh Hà Đông	38.500.000.000	12.700.000.000
	38.515.000.000	**12.715.000.000**

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	1.747.624.303	2.609.179.014
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.427.412.839	2.379.943.774
Chí phí thuê văn phòng	-	1.184.263.863
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.472.810.714	880.786.366
	4.647.847.856	**7.054.173.017**

11 . TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Tiền nộp ban đầu	176.236.982
Tiền nộp bổ sung	-
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	-
Số cuối kỳ	**176.236.982**

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT	-	8.022.455
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.715.760.825	3.647.512.477
Thuế TNCN	941.783.797	57.489.959
Các loại thuế khác	-	620
	9.657.544.622	**3.713.025.511**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí thuê xe ô tô	-	60.000.000
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	-	315.231.500
Chi phí lãi vay	6.867.527.778	-
Chi phí phải trả khác	-	96.720.948
	6.867.527.778	**471.952.448**

14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	497.000.000	497.000.000
	497.000.000	**497.000.000**

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	14.862.711	2.275.541
Kinh phí công đoàn	41.922.548	28.420.060
Bảo hiểm xã hội	103.016.763	22.758.501
Phải trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông của VICS	1.589.625.000	-
Thu tiền phát hành riêng lẻ cổ phiếu VIG	48.480.600.000	-
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	52.083.645.721	141.676.654.591
Phải trả vay vốn ngắn hạn các đối tượng khác	-	25.245.690.000
Phải trả Công ty tài chính CP Sông Đà theo HĐ HTKD	100.000.000.000	-
Phải trả Công ty tài chính CP Handico theo HĐ HTKD	215.000.000.000	-
Tiền khách hàng nộp mua chứng khoán phát hành thêm chưa chuyển cho TTLK	920.580.000	162.190.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	97.490.175	767.115.515
	418.331.742.918	**167.905.104.208**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của đối tượng khác	100%	299.995.000.000	100%	150.000.000.000
	100%	**299.995.000.000**	**100%**	**150.000.000.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	299.995.000.000
- *Vốn góp đầu kỳ*	*150.000.000.000*
- *Vốn góp tăng trong kỳ*	*149.995.000.000*
- *Vốn góp giảm trong kỳ*	-
- *Vốn góp cuối kỳ*	*299.995.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.250.000.000
- *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:*	*11.250.000.000*

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.999.500	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.999.500	15.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*29.999.500*	*15.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.999.500	15.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*29.999.500*	*15.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	816.709.047	-
Quỹ dự phòng tài chính	816.709.047	-
Cộng	**1.633.418.094**	**-**

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	**51.976.854.642**
Trong đó:	
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	15.172.289.068
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	27.552.994.994
- Doanh thu hoạt động tư vấn	52.713.243
- Doanh thu khác	9.198.857.337
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	**51.976.854.642**

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4.793.739.256
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	356.625.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	57.864.837
Chi phí dự phòng	(143.101.353)
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	-
Chi phí khác	10.702.513.418
Chi phí trực tiếp chung	4.347.608.894
- *Chi phí nhân viên*	2.466.613.111
- *Chi phí vật liệu, công cụ lao động*	282.586.720
- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*	821.969.767
	20.115.250.052

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.528.758.819
Chi phí vật liệu quản lý	131.559.729
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	801.607.176
Chi phí khấu hao TSCĐ	731.833.949
Thuế, phí và lệ phí	6.444.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.188.673.980
Chi phí khác bằng tiền	2.264.522.045
	10.653.399.698

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.211.903.892
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(182.910.500)
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	-
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	*(182.910.500)*
Tổng lợi nhuận tính thuế	21.028.993.392
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	0
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.257.248.348
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**5.257.248.348**

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	15.954.655.544
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	-
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.954.655.544
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.087.014
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.058**

22 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Do Công ty không lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ.

Đào Thị Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc Long
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

16 . CHI TIẾT TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	**150.000.000.000**	-	-	-	-	**18.183.579.072**	**168.183.579.072**
Tăng vốn từ phát hành	149.995.000.000	7.499.750.000	-	-	-	-	157.494.750.000
Phân phối quỹ trên lợi nhuận năm trước (*)	-			816.709.047	816.709.047	(1.633.418.094)	-
Thù lao trả HĐQT&BKS năm 2008, 2009 trên LN năm trước (*)	-	-	-	-	-	(1.335.778.132)	(1.335.778.132)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên LN năm trước (*)	-	-	-	-	-	(2.963.747.141)	(2.963.747.141)
Trích thưởng HĐQT&Ban điều hành trên LN năm trước (*)	-	-	-	-	-	(816.709.047)	(816.709.047)
Chia cổ tức bằng tiền mặt trên LN năm trước (*)	-	-	-	-	-	(11.250.000.000)	(11.250.000.000)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	15.954.655.544	15.954.655.544
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10.400.000)	-	-	-	(10.400.000)
Số dư cuối kỳ	**299.995.000.000**	**7.499.750.000**	**(10.400.000)**	**816.709.047**	**816.709.047**	**16.138.582.202**	**325.256.350.296**

(*) Phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 09/2010/NQ-ĐHCĐ ngày 04 tháng 03 năm 2010.

22. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Cộng
	VND	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	15.172.289.068	27.552.994.994	8.068.914.425	1.182.656.155	51.976.854.642
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	-	-	-	-	21.208.204.892
Tài sản bộ phận trực tiếp	53.063.178.363	169.476.043.126	488.404.594.876	-	710.943.816.365
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	51.120.893.914
Tổng tài sản	**64.734.607.436**	**190.671.449.130**	**494.611.684.786**	**2.241.792.687**	**762.064.710.279**
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	52.083.645.721	-	315.000.000.000	-	367.083.645.721
Nợ không phân bổ	-	-	-	-	69.724.714.262
Tổng nợ phải trả	**52.083.645.721**	**-**	**315.000.000.000**	**-**	**436.808.359.983**

b) Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam